

Số: /BC-VP

Trà Vinh, ngày 30 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả chấm điểm đánh giá, phân loại, xếp hạng về việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính quý II năm 2022

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Mẫu phiếu chấm điểm để đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Văn phòng UBND tỉnh báo cáo kết quả chấm điểm đánh giá, phân loại, xếp hạng về việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính trong quý II năm 2022, cụ thể như sau:

I. Căn cứ chấm điểm trong đánh giá giải quyết TTHC:

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-UBND, việc chấm đánh giá giải quyết TTHC gồm 2 nhóm: Mỗi một chỉ số, thang điểm cao nhất là 2 điểm

- Nhóm 1, Các chỉ số đánh giá việc giải quyết TTHC đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính (Phụ lục 1), gồm 5 chỉ số:

+ Chỉ số 1: Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với thời gian cho phép theo quy định của pháp luật

+ Chỉ số 2: Thời gian thực hiện của từng cơ quan, đơn vị tham gia giải quyết (kể cả đơn vị phối hợp) so với quy định

+ Chỉ số 3: Số lần phải liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến)

+ Chỉ số 4: Số lượng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến)

+ Chỉ số 7: Thái độ của cán bộ, công chức, viên chức khi hướng dẫn lập hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính

- Nhóm 2, Các chỉ số đánh giá việc giải quyết TTHC đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính và trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức (Phụ lục 2), gồm 4 chỉ số:

+ Chỉ số 5: Thực hiện tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa

+ Chỉ số 6: Công khai các thủ tục hành chính

+ Chỉ số 8: Tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân

+ Chỉ số 9: Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền

II. Kết quả chấm điểm, phân loại của các cơ quan, đơn vị

1. Kết quả chấm điểm đối với Sở, ngành

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Kết quả chấm điểm
1	Sở Thông tin và Truyền thông	17.8
2	Sở Nội vụ	15.4
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	18
4	Sở Khoa học và Công nghệ	15.7
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	18
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	18
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT	18
8	Thanh tra tỉnh	14
9	Sở Giao thông vận tải	12
10	Ban Quản lý khu kinh tế	17.3
11	Sở Lao động thương binh và Xã hội	18
12	Sở Xây dựng	15.3
13	Sở Công thương	17.6
14	Sở Tư pháp	16
15	Sở Y tế	18
16	Sở Tài chính	15
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	16

2. Kết quả chấm điểm đối với UBND cấp huyện, cấp xã

	Tên đơn vị	Kết quả chấm điểm
I	Thành phố Trà Vinh	14
1	UBND phường 1	13
2	UBND phường 2	14
3	UBND phường 3	14
4	UBND phường 4	13.5
5	UBND phường 5	14
6	UBND phường 6	14
7	UBND phường 7	14
8	UBND phường 8	14
9	UBND phường 9	14

10	UBND xã Long Đức	13.6
II	Huyện Càng Long	13.6
1	Ủy ban nhân dân xã Mỹ Cẩm	13
2	Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội	13.2
3	Ủy ban nhân dân xã Nhị Long	12.5
4	Ủy ban nhân dân xã An Trường A	12.2
5	Ủy ban nhân dân xã Đức Mỹ	12.6
6	Ủy ban nhân dân xã Bình Phú	13.5
7	Ủy ban nhân dân xã Đại Phúc	13.9
8	Ủy ban nhân dân thị trấn Càng Long	13
9	Ủy ban nhân dân xã Tân An	12.1
10	Ủy ban nhân dân xã Phương Thạnh	13
11	Ủy ban nhân dân xã Đại Phước	13.7
12	Ủy ban nhân dân xã Tân Bình	12.6
13	Ủy ban nhân dân xã An Trường A	12.2
14	Ủy ban nhân dân xã Nhị Long Phú	13.5
III	UBND huyện Châu Thành	14
1	Ủy ban nhân dân xã Đa Lộc	13.5
2	Ủy ban nhân dân xã Song Lộc	13.5
3	Ủy ban nhân dân xã Phước Hảo	13
4	Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ	13.5
5	Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa	13
6	Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh	13.5

7	Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận	13.5
8	Ủy ban nhân dân xã Long Hòa	13.5
9	Ủy ban nhân dân xã Nguyệt Hóa	13.5
10	Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ	13.5
11	Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi	13.5
12	Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh	13
13	Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành	13
14	Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa A	13.5
IV	UBND huyện Tiểu Cần	14.2
1	Ủy ban nhân dân xã Phú Cần	13.4
2	Ủy ban nhân dân xã Long Thới	13.1
3	Ủy ban nhân dân xã Tập Ngãi	13.6
4	Ủy ban nhân dân xã Hùng Hòa	13.3
5	Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa	13.3
6	Ủy ban nhân dân xã Hiếu Từ	13.7
7	Ủy ban nhân dân xã Ngãi Hùng	13.4
8	Ủy ban nhân dân xã Hiếu Trung	13.7
9	Ủy ban nhân dân xã Tân Hùng	13.4
10	Ủy ban nhân dân thị trấn Tiểu Cần	13.3
11	Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Quan	13.5
V	UBND huyện Cầu Kè	14.8
1	Ủy ban nhân dân xã Châu Điền	13.8

2	Ủy ban nhân dân xã Phong Phú	13,3
3	Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh	13,4
4	Ủy ban nhân dân xã Ninh Thới	13,4
5	Ủy ban nhân dân xã Hòa Ân	13,7
6	Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân	13,4
7	Ủy ban nhân dân xã Tam Ngãi	13,3
8	Ủy ban nhân dân xã Thông Hòa	13,6
9	Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú	13,3
10	Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân	13,6
11	Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Kè	13,7
VI	UBND huyện Trà Cú	14
1	Ủy ban nhân dân xã Ngãi Xuyên	13
2	Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng	14
3	Ủy ban nhân dân xã Tập Sơn	14
4	Ủy ban nhân dân xã An Quảng Hữu	13
5	Ủy ban nhân dân xã Lưu Nghiệp Anh	14
6	Ủy ban nhân dân xã Thanh Sơn	14
7	Ủy ban nhân dân xã Ngọc Biên	14
8	Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Cú	14
9	Ủy ban nhân dân xã Tân Sơn	14
10	Ủy ban nhân dân xã Hàm Giang	13
11	Ủy ban nhân dân xã Đại An	14

12	Ủy ban nhân dân thị trấn Định An	14
13	Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp	14
14	Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp	14
15	Ủy ban nhân dân xã Định An	14
16	Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn	14
17	Ủy ban nhân dân xã Hàm Tân	14
VII	UBND thị xã Duyên Hải	15.2
1	Ủy ban nhân dân xã Long Toàn	13.4
2	Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh	13.7
3	Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa	13.3
4	Ủy ban nhân dân xã Long Hữu	13.2
5	Ủy ban nhân dân phường 2	13
6	Ủy ban nhân dân phường 1	13.2
7	Ủy ban nhân dân xã Dân Thành	14
VIII	UBND huyện Cầu Ngang	14.7
1	Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa	13.5
2	Ủy ban nhân dân xã Long Sơn	12
3	Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim	12.4
4	Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa	12
5	Ủy ban nhân dân xã Kim Hòa	12
6	Ủy ban nhân dân xã Mỹ Long Nam	12.2
7	Ủy ban nhân dân xã Hiệp Mỹ Đông	12

8	Ủy ban nhân dân xã Hiệp Mỹ Tây	12
9	Ủy ban nhân dân xã Thanh Hòa Sơn	12
10	Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa	12
11	Ủy ban nhân dân xã Trường Thọ	12
12	Ủy ban nhân dân xã Mỹ Long Bắc	12
13	Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Long	13.5
14	Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Ngang	12.9
15	Ủy ban nhân dân xã Nhị Trường	12
IX	UBND huyện Duyên Hải	14.8
1	Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh	13.7
2	Ủy ban nhân dân xã Long Khánh	13.7
3	Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành	14
4	Ủy ban nhân dân xã Đông Hải	13.7
5	Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lạc	14
6	Ủy ban nhân dân xã Đôn Châu	14
7	Ủy ban nhân dân xã Đôn Xuân	14

Trên đây là báo cáo kết quả chấm điểm đánh giá giải quyết TTHC quý II năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNV.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Thanh Tâm

